

## MỤC LỤC

*Trang*

### **CHƯƠNG I NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1
Điều 2. Sinh viên, quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên	1
Điều 3. Chương trình đào tạo	2
Điều 4. Kế hoạch học tập	2
Điều 5. Thời gian và kế hoạch đào tạo	2
Điều 6. Học kỳ và số học kỳ	2
Điều 7. Học phần	3
Điều 8. Tín chỉ, tiết học	3
Điều 9. Giờ lên lớp	3
Điều 10. Học phí và thời gian nộp học phí	4
Điều 11. Bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn và tín dụng SV	4
Điều 12. Nghỉ học tạm thời, đình chỉ học tập và buộc thôi học	4
Điều 13. Chuyển ngành, chuyển trường, chuyển địa điểm học	5

### **CHƯƠNG II ĐĂNG KÝ HỌC PHẦN**

Điều 14. Số tín chỉ đăng ký trong một học kỳ	6
Điều 15. Đăng ký học lại	6

### **CHƯƠNG III ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP**

Điều 16. Đánh giá học phần	6
Điều 17. Điểm học phần	6
Điều 18. Tổ chức thi, số lần thi, vắng thi	8
Điều 19. Điểm trung bình chung học kỳ, trung bình chung tích lũy	8
Điều 20. Quy chế thi - kiểm tra	8
Điều 21. Các hình thức xử lý SV vi phạm quy chế thi	9
Điều 22. Thông báo kết quả học tập	10
Điều 23. Xếp loại và khen thưởng cuối khóa học	10

### **CHƯƠNG IV XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP**

Điều 24. Hình thức thực hiện cuối khóa học	11
Điều 25. Điều kiện tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp	11
Điều 26. Bằng tốt nghiệp	11
Điều 27. Quản lý bằng tốt nghiệp	12
Điều 28. Xử lý SV quá hạn thời gian đào tạo	12

### **CHƯƠNG V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

## CHƯƠNG I NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy định này quy định về công tác học vụ dành cho sinh viên (SV) trình độ đại học hình thức đào tạo từ xa bao gồm: những quy định chung, đăng ký học phần, đánh giá kết quả học tập, xét và công nhận tốt nghiệp.

2. Quy định này áp dụng đối với các sinh viên đang theo học trình độ đại học hình thức đào tạo từ xa của Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT).

### **Điều 2. Sinh viên, quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên**

1. Sinh viên theo học hình thức đào tạo từ xa của Trường ĐHCT là những công dân Việt Nam đủ điều kiện được xét tuyển vào Trường ĐHCT.

2. Quyền lợi của SV:

a. Được Trường ĐHCT cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo, kế hoạch học tập toàn khóa, kế hoạch học tập từng học kỳ, được công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập theo quy định của Trường.

b. Được quyền tham gia học tập các tín chỉ cùng với hệ đào tạo chính quy, hệ vừa làm vừa học theo quy định của Trường ĐHCT.

c. Mỗi SV khi nhập học được Trường cấp một tài khoản email và một tài khoản máy tính để truy cập vào hệ thống dữ liệu của Trường và một mã số riêng. Mã số sẽ được ghi vào thẻ SV, để xuất trình khi ra vào phòng thi, thư viện (xác nhận các loại giấy tờ khi cần thiết, cấp bảng điểm), ...

d. Được hưởng các quyền lợi khác theo quy định của Trường ĐHCT và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Nghĩa vụ của SV:

a. SV có trách nhiệm chấp hành đúng các quy định của Nhà nước, của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định của Trường, của Khoa/Viện/Bộ môn trực thuộc trường và quy định của đơn vị liên kết, trạm từ xa nơi đăng ký theo học.

b. SV phải đóng học phí đầy đủ, đúng thời gian quy định.

c. Khi vào Trường, đơn vị, nơi theo học, và trên lớp học, SV phải mang bảng tên, trang phục sạch sẽ, gọn gàng, kín đáo; phải mặc đồng phục khi tham dự những buổi học có yêu cầu.

d. SV phải giữ vệ sinh chung, trật tự và không được có hành động gây rối ảnh hưởng đến lớp học.

e. SV không được xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên và người khác.

f. SV phải chủ động liên lạc với giảng viên hoặc cán bộ hỗ trợ học tập trong quá trình học để được hướng dẫn, hỗ trợ.

### **Điều 3. Chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo (CTĐT) của mỗi ngành học hình thức đào tạo từ xa như chương trình đào tạo hệ chính quy gồm các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp. Tích lũy đủ các học phần của CTĐT, SV sẽ được xét cấp bằng tốt nghiệp.

### **Điều 4. Kế hoạch học tập**

1. Đối với hình thức học truyền thống, kế hoạch học của SV hình thức đào tạo từ xa được Trường ĐHCT thiết kế cho SV theo từng học kỳ gồm các học phần bắt buộc học và các học phần tự chọn đã được Trường chọn để giảng dạy phù hợp với điều kiện học tập của hình thức đào tạo từ xa. Mỗi học kỳ SV sẽ được Trường cung cấp lịch học.

Đầu học kỳ, SV nhận học liệu và được cán bộ giảng dạy (CBGD) giới thiệu môn học, hướng dẫn phương pháp học tập, tài liệu tham khảo cũng như giảng những kiến thức cơ bản của học phần ở lần tập trung thứ nhất. Sau đó, người học tự học qua học liệu như giáo trình, băng hình, băng tiếng, đĩa CD-ROM. Lần tập trung thứ hai, CBGD sẽ ôn tập, giải đáp thắc mắc, hướng dẫn giải bài tập, trả lời câu hỏi .v.v. . Lần tập trung thứ ba là kiểm tra kết thúc học phần.

2. Đối với các hình thức học khác, Trường có những quy định cụ thể riêng.

### **Điều 5. Thời gian và kế hoạch đào tạo**

Thời gian thiết kế cho một CTĐT tùy theo ngành học. Thời gian cho phép để hoàn thành CTĐT được xác định theo bảng dưới đây:

Chương trình đào tạo	Thời gian thiết kế	Thời gian tối đa
Đại học	2 năm	4 năm
	2,5 năm	5 năm
	3 năm	6 năm
	4 năm	8 năm
	4,5 năm	9 năm
	5 năm	10 năm

Những SV được hưởng chính sách ưu tiên theo đối tượng quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy không giới hạn về thời gian tối đa để hoàn thành CTĐT.

### **Điều 6. Học kỳ và số học kỳ**

Mỗi năm học gồm 3 học kỳ, trong đó gồm 2 học kỳ chính và một học kỳ hè (học kỳ III). Học kỳ chính kéo dài 20 tuần: trong đó có 15 tuần SV được giảng viên giảng dạy trực tiếp và tự nghiên cứu tài liệu; 1 tuần dự trữ; 3 tuần kiểm tra kết thúc học phần và 1 tuần SV nghỉ giữa hai học kỳ. Học kỳ III giúp SV rút ngắn thời gian học, cải thiện kết quả học.

### **Điều 7. Học phần**

1. Học phần là một khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn được giảng dạy trong học kỳ. Mỗi học phần có tên gọi và mã số riêng.
2. Học phần bắt buộc là học phần SV phải tích lũy.
3. Học phần tự chọn là học phần SV tự lựa chọn để tích lũy.
4. Học phần tiên quyết là học phần mà SV phải tích lũy mới được đăng ký học phần tiếp theo.
5. Học phần điều kiện là học phần mà SV phải hoàn thành nhưng kết quả học phần không dùng để tính điểm trung bình chung tích lũy (ĐTBCTL). Các học phần điều kiện bao gồm: Ngoại ngữ căn bản, Tin học căn bản, ...
6. Lớp học phần là lớp bao gồm SV đăng ký theo học cùng học phần trong 1 học kỳ.
7. Lớp chuyên ngành là lớp được hình thành từ đầu khóa học cho đến cuối khóa học. Mỗi lớp chuyên ngành có mã số riêng.

### **Điều 8. Tín chỉ, tiết học**

Kiến thức của mỗi học phần và toàn khóa học được đo lường bằng tín chỉ (TC). Thời lượng của TC được quy định như sau:

- a. Một TC = 15 tiết học lý thuyết và 30 tiết tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc 30 tiết thực hành, thí nghiệm, thảo luận, seminar, ... và 15 tiết tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc 45 tiết thực tập tại cơ sở, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, niên luận, tiểu luận tốt nghiệp, luận văn tốt nghiệp.
- b. Một tiết học được tính bằng 50 phút.

### **Điều 9. Giờ lên lớp**

SV phải dự 100% số tiết theo quy định đối với các học phần thực hành, thí nghiệm, thực tập tại cơ sở; phải tham dự tối thiểu 80% số tiết theo quy định đối với các học phần lý thuyết. SV vắng lên lớp nhiều hơn thời gian quy định sẽ bị cấm thi.

Vào buổi học đầu tiên, GV thông báo cho SV biết đề cương chi tiết học phần (*nội dung học phần, phương pháp giảng dạy, hình thức kiểm tra, đánh giá, cách tính điểm...*).

Thời gian giảng dạy trong ngày được phân bố như bảng dưới đây:

Buổi học	Tiết học	Giờ học	Thời gian nghỉ
Sáng	1	07.30 - 08.20	Không
	2	08.20 - 09.10	10 phút
	3	09.20 - 10.10	Không
	4	10.10 - 11.00	10 phút
	5	11.00 - 11.50	
Chiều	1	13.30 - 14.20	Không
	2	14.20 - 15.10	10 phút
	3	15.20 - 16.10	Không
	4	16.10 - 17.00	

#### **Điều 10. Học phí và thời gian nộp học phí**

1. Đầu năm Trường ĐHCT công bố mức học phí đến SV và các Đơn vị liên kết biết. Mức học phí ở từng năm do Hiệu trưởng quyết định.
2. Học phí được đóng hai đợt, vào đầu mỗi học kỳ.
3. SV không đóng học phí học kỳ sẽ bị hủy kết quả học tập những học phần ở học kỳ đó và buộc phải đóng học phí của học kỳ nợ cùng lúc với học phí của học kỳ tiếp theo. Không đóng học phí hai học kỳ liên tiếp hoặc học kỳ cuối sẽ bị buộc thôi học.

#### **Điều 11. Bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn và tín dụng SV**

1. Bảo hiểm y tế (BHYT): SV phải nộp phí BHYT theo các quy định hiện hành của Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12, ngày 14/11/2008 và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Tất cả SV phải đóng BHYT bắt buộc, các trường hợp đã tham gia đóng BHYT tại cơ quan, đơn vị đang công tác hoặc địa phương, phải cung cấp bản sao thẻ BHYT hoặc giấy tờ có liên quan.
2. Bảo hiểm tai nạn (BHTN): Trường khuyến khích SV tham gia nộp BHTN.
3. Tín dụng SV: SV có thể xin vay tín dụng từ các Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương nơi gia đình SV cư trú. Trường sẽ cấp giấy xác nhận để SV bổ sung hồ sơ xin vay vốn.

#### **Điều 12. Nghỉ học tạm thời, đình chỉ học tập và buộc thôi học**

1. Nghỉ học tạm thời: SV có thể làm đơn xin phép nghỉ học tạm thời trong các trường hợp sau đây:
  - a. Được điều động vào các lực lượng vũ trang.

b. Ốm đau, tai nạn phải điều trị trong thời gian dài (xác nhận của cơ quan y tế).

c. Vì nhu cầu cá nhân (hoàn cảnh gia đình neo đơn, việc riêng...). Trường hợp này chỉ giải quyết khi SV đã học ít nhất 1 học kỳ ở Trường, không rơi vào tình trạng bị buộc thôi học. Thời gian nghỉ học tạm thời trong trường hợp này được tính vào quỹ thời gian để hoàn thành CTĐT. Nếu được chấp thuận, SV sẽ được nhận quyết định cho phép nghỉ học của Hiệu trưởng. Khi hết thời gian nghỉ học tạm thời và chậm nhất là 2 tuần trước khi học kỳ mới bắt đầu, SV phải nộp hồ sơ xin học lại. Nếu đủ điều kiện, Hiệu trưởng sẽ có quyết định thu nhận SV học lại.

2. Định chỉ học tập 1 năm trong trường hợp bị kỷ luật ở mức định chỉ học tập.

3. Buộc thôi học trong các trường hợp:

a. Bị kỷ luật ở mức buộc thôi học.

b. Nghỉ học tạm thời quá thời hạn cho phép.

c. Không học trong 2 học kỳ chính liên tiếp mà không được sự cho phép của Hiệu trưởng.

d. Không đóng học phí 2 học kỳ liên tiếp.

e. Đã hết thời gian tối đa được phép học.

Trường gửi về địa phương và gia đình các trường hợp SV bị định chỉ học tập hoặc buộc thôi học.

### **Điều 13. Chuyển ngành, chuyển trường, chuyển địa điểm học**

Việc chuyển ngành, chuyển trường, chuyển địa điểm học đổi với SV học từ xa chỉ đặt ra trong cùng hình thức đào tạo từ xa, với các điều kiện như sau:

1. SV học từ xa được chuyển ngành (hoặc chuyên ngành) nếu có nguyện vọng. SV phải thực hiện thủ tục chuyển ngành theo quy định của Trường và phải được Hiệu trưởng đồng ý.

2. SV học từ xa được chuyển trường (cùng ngành học) nếu gia đình chuyển nơi cư trú hoặc SV có hoàn cảnh gia đình khó khăn cần phải chuyển đến trường gần nơi cư trú để thuận tiện cho việc học tập, làm việc và phải được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin đi và trường xin chuyển đến.

3. SV học từ xa được chuyển địa điểm học nếu gia đình chuyển nơi cư trú hoặc SV có hoàn cảnh gia đình khó khăn cần phải chuyển đến nơi học gần nơi cư trú để thuận tiện cho việc học tập, làm việc và phải được sự đồng ý của Hiệu trưởng/Giám đốc đơn vị đang theo học và đơn vị xin chuyển đến.

4. SV không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:

a. SV năm thứ nhất và năm cuối khóa.

b. SV đang chịu mức kỷ luật từ cảnh cáo cấp trường trở lên.

## CHƯƠNG II ĐĂNG KÝ HỌC PHẦN

### **Điều 14. Số tín chỉ đăng ký trong một học kỳ**

1. Ngoài những học phần đã được trường xếp lịch, SV được phép đăng ký học vượt, tuy nhiên số tín chỉ trong một học kỳ chính (không kể các học phần thi lại) được quy định như sau:

a. Đối với các chương trình đào tạo có số tín chỉ thấp hoặc bằng 120 tín chỉ thì tổng số tín chỉ trong một học kỳ không vượt quá 18 tín chỉ.

b. Đối với các chương trình đào tạo có số tín chỉ trên 120 tín chỉ thì tổng số tín chỉ trong một học kỳ không vượt quá 20 tín chỉ.

2. Học kỳ III (học kỳ hè): Trường chỉ mở các học phần trong học kỳ III để tạo điều kiện cho SV có nhu cầu học lại các học phần còn nợ.

### **Điều 15. Đăng ký học lại**

Các học phần có điểm F sẽ không được tích lũy trong kết quả học tập và SV bắt buộc phải đăng ký học lại học phần đó.

Đối với học phần đã tích lũy nhưng SV có nhu cầu có thể đăng ký học lại để cải thiện kết quả. Điểm học phần là điểm cao nhất của các lần học.

## CHƯƠNG III ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

### **Điều 16. Đánh giá học phần**

1. Học phần lý thuyết hoặc lý thuyết kết hợp thực hành: Điểm học phần được tính các điểm thành phần bao gồm: điểm bài tập, điểm kiểm tra trong quá trình học, điểm phần thực hành, điểm đánh giá nhận thức, điểm tham gia thảo luận, điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm đồ án và điểm thi kết thúc học phần. Thi kết thúc học phần là bắt buộc và trọng số không dưới 50%.

2. Học phần thực hành: Điểm học phần được tính bằng điểm trung bình của các bài thực hành.

Hình thức đánh giá học phần, trọng số các điểm thành phần do GV đề xuất, Trưởng bộ môn, Trưởng khoa quản lý học phần duyệt và công bố trong đề cương chi tiết học phần.

### **Điều 17. Điểm học phần**

1. Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

2. Điểm học phần là tổng số điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 và làm tròn đến một chữ số thập phân. GV phụ trách học phần nhập điểm vào hệ

thống quản lý trực tuyến, hệ thống quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4. Cách quy đổi điểm được thực hiện theo bảng dưới đây:

<b>Điểm số theo thang điểm 10</b>	<b>Điểm chữ</b>	<b>Điểm số theo thang điểm 4</b>
9,0 – 10,0	A	4,0
8,0 – 8,9	B <sup>+</sup>	3,5
7,0 – 7,9	B	3,0
6,5 – 6,9	C <sup>+</sup>	2,5
5,5 – 6,4	C	2,0
5,0 – 5,4	D <sup>+</sup>	1,5
4,0 – 4,9	D	1,0
nhỏ hơn 4,0	F	0,0

Học phần chỉ được tính tích lũy khi đạt từ điểm D trở lên.

3. Điểm học phần sẽ được công bố và ghi nhận với điểm số theo thang điểm 10 và điểm chữ. Điểm chữ được quy đổi sang điểm số theo thang điểm 4 để tính ĐTBCHK và ĐTBCTL.

#### 4. Các điểm học phần khác

a. Điểm M: Dùng để xác nhận học phần SV được miễn học do đã tích lũy được bằng các hình thức khác. Điểm M không được tính vào ĐTBCHK và ĐTBCTL. Số TC của học phần có điểm M được tính vào tổng số TC tích lũy. Để nhận điểm M, SV phải làm đơn xét miễn học phần và phải được Trường xem xét theo quy trình về xét miễn học phần.

b. Điểm I: Dành cho các trường hợp chưa hoàn thành đầy đủ yêu cầu của học phần (SV đã dự học, dự các lần kiểm tra giữa HK, đã thực hiện các hoạt động liên quan đến học phần như thí nghiệm, thực hành nhưng vì lý do bất khả kháng như ốm đau, tai nạn... đã vắng mặt trong buổi thi kết thúc học phần và được GV phụ trách học phần chấp thuận cho bổ sung điểm). Điểm I không được tính vào ĐTBCHK ở HK đó. Để nhận được điểm I, SV phải làm đơn kèm theo hồ sơ hợp lệ nộp cho GV giảng dạy học phần xem xét và trình trưởng khoa duyệt. Thời hạn bổ sung điểm của học phần do GV quy định nhưng không quá 1 năm kể từ ngày thi lần trước. Quá thời hạn trên, nếu SV không hoàn thành thì sẽ bị điểm F.

c. Điểm W: Dành cho các học phần mà SV được phép rút theo quy định. Điểm W không tính vào ĐTBCHK và ĐTBCTL.

Riêng học phần Ngoại ngữ và Tin học là môn điều kiện, SV nộp chứng chỉ theo quy định hiện hành của Trường. SV phải nộp chứng chỉ của các học phần này trước khi xét tốt nghiệp.

## **Điều 18. Tổ chức thi, số lần thi, vắng thi**

1. Việc thi, kiểm tra kết thúc học phần môn học sẽ được tổ chức theo lớp học, theo học phần hoặc theo địa bàn. Trường sẽ tổ chức kỳ thi tập trung nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo. Mỗi học phần SV chỉ được phép thi một lần, trường hợp không đạt, SV đăng ký học và thi lại theo quy định của Trường.

2. Địa điểm tập trung tại cơ sở đào tạo của Trường (*hoặc các cơ sở liên kết đào tạo của Trường tại các địa phương*). Lịch thi kết thúc học phần được thông báo trên kế hoạch giảng dạy đầu học kỳ.

3. Trong thời gian thi kết thúc học phần, nếu SV có lý do chính đáng, không thể dự thi và được sự chấp thuận của ĐVLK và Trường ĐHCT thì sẽ được Trường sắp xếp cho thi với lớp khác ở những đợt thi tiếp theo.

## **Điều 19. Điểm trung bình chung học kỳ, trung bình chung tích lũy**

**Học phần đã tích lũy:** Là học phần có kết quả đạt từ điểm D trở lên. Các học phần có điểm F sẽ không được tích lũy.

**Số tín chỉ tích lũy:** Là tổng số tín chỉ của các học phần đã tích lũy.

**ĐTBCHK:** Là trung bình có trọng số của điểm các học phần mà SV đã thi trong học kỳ (*kể cả các học phần bị điểm F và học phần điều kiện*), với trọng số là số tín chỉ của các học phần đó. ĐTBCHK là cơ sở để đánh giá kết quả học tập. ĐTBCHK được tính theo công thức tính như sau:

$$\text{ĐTBCHK} = \frac{\sum_{i=1}^n a_i X_i}{\sum_{i=1}^n a_i}$$

Trong đó:  $X_i$ : là điểm học phần thứ i;  $a_i$ : là số tín chỉ của học phần thứ i; n: là số học phần SV đăng ký học trong học kỳ.

**ĐTBCTL:** là trung bình có trọng số của điểm các học phần đã tích lũy tính đến thời điểm xét (*không bao gồm các học phần điều kiện, và các học phần bị điểm F*). Cách tính ĐTBCTL tương tự như tính ĐTBCHK. ĐTBCTL là cơ sở để đánh giá kết quả học tập trong suốt thời gian học, xếp hạng học lực, xếp hạng tốt nghiệp.

## **Điều 20. Quy chế thi - kiểm tra**

SV có trách nhiệm chấp hành Quy chế thi và kiểm tra:

1. Thực hiện đúng lịch thi của Trường. Nếu đến trễ sau khi mở đề 15 phút, SV sẽ không được dự thi và xem như vắng thi không lý do, sẽ nhận điểm F.

2. Phải mang bảng tên hoặc thẻ SV hoặc các giấy tờ tùy thân có dán ảnh khi vào phòng thi. Tuyệt đối phục tùng sự kiểm tra, quản lý và hướng dẫn của cán bộ coi thi (CBCT). Túi xách; tài liệu; phương tiện kỹ thuật thu, phát, truyền tin, ghi âm...phải để tập trung đúng nơi quy định. Mọi trường hợp vi phạm đều không được dự thi và

nhận điểm F.

3. Không được ra khỏi phòng thi trong thời gian làm bài. Các trường hợp đặc biệt phải cho ra ngoài đều phải lập biên bản.

4. Bài thi phải làm trên giấy thi thống nhất, viết rõ ràng, sạch sẽ. Được sử dụng bút mực hoặc bút bi màu xanh dương, đen hoặc tím; thước kẻ; thước tính; máy tính điện tử không có thẻ nhớ và không soạn thảo được văn bản; giấy nháp có chữ ký của CBCT. Các trường hợp ngoại lệ phải được CBCT cho phép.

5. Trong giờ thi SV phải im lặng, nghiêm túc làm bài và bảo vệ bài làm của mình. Nếu có thắc mắc phải hỏi công khai. Nếu ốm đau bất thường phải báo cáo để CBCT giải quyết.

6. Những bài thi sau đây là không hợp lệ và không được chấm điểm:

- a. Làm bài trên giấy thi khác với giấy thi quy định;
- b. Không có chữ ký của CBCT;
- c. Viết bằng bút chì, mực đỏ (*triết hình vẽ có thể vẽ bằng bút chì*);
- d. Các bài làm giống nhau;
- e. Vẽ bậy, viết bậy trong bài thi.

7. Hết giờ làm bài, SV phải ngừng viết, để bài làm trước mặt và im lặng chờ CBCT thu bài. Khi nộp bài phải ghi rõ số tờ giấy thi đã nộp và ký tên vào danh sách dự thi. SV vi phạm các quy định trên đây tùy theo mức độ nặng nhẹ sẽ bị CBCT lập biên bản xử lý theo điều 21 của quy chế này.

#### **Điều 21. Các hình thức xử lý SV vi phạm quy chế thi**

1. Khiển trách: SV phạm 1 trong các lỗi:

- a. Nhìn bài của người khác.
- b. Trao đổi, thảo luận với người khác.

SV bị khiển trách sẽ bị trừ 25% điểm số của lần thi/kiểm tra đó. SV bị khiển trách thi 2 lần trong 1 năm học sẽ bị kỷ luật cảnh cáo toàn khoa.

2. Cảnh cáo: SV phạm 1 trong các lỗi sau:

- a. Đã bị khiển trách một lần nhưng vẫn tiếp tục vi phạm trong một buổi thi.
- b. Trao đổi giấy nháp cho nhau nhưng chưa sử dụng (xử lý cả 2 SV).
- c. Chép bài của người khác hoặc để cho người khác chép bài của mình.

SV bị cảnh cáo sẽ bị trừ 50% điểm số của học phần đó. SV bị cảnh cáo thi 2

lần trong 1 năm học sẽ bị kỷ luật cảnh cáo toàn trường.

3. Đinh chỉ thi: SV phạm 1 trong các lỗi sau:

- a. Đã bị cảnh cáo một lần nhưng vẫn tiếp tục vi phạm trong một buổi thi.
- b. Sau khi mở đề thi bị phát hiện vẫn còn mang theo người (*hoặc nơi ngồi của mình*) những vật dụng không được phép mang theo.
- c. Sử dụng giấy nháp hoặc bài làm của người khác (*xử lý cả 2 SV*).
- d. Đưa đề thi ra ngoài nhờ người khác làm hộ hoặc nhận bài giải từ ngoài vào phòng thi.
- e. Có hành động gây rối hoặc đe dọa CBCT, hoặc đối với SV khác.

SV bị đình chỉ thi bị nhận điểm (0) cho học phần đó. SV bị đình chỉ thi 2 lần trong 1 năm học sẽ bị đình chỉ học tập 1 năm sau đó. Nếu tái phạm sẽ bị buộc thôi học.

4. Xử lý thi hộ: Áp dụng cho cả người thi hộ và người nhờ thi hộ:

a. Vi phạm lần thứ nhất:

- + Người nhờ thi hộ: Nhận điểm (0) học phần đó, đình chỉ học tập 1 năm;
- + Người thi hộ: Đình chỉ học tập 1 năm.

b. Vi phạm lần thứ hai (*trong toàn khóa học*): Buộc thôi học.

Các trường hợp vi phạm khác tùy mức độ nặng nhẹ sẽ do Hội đồng kỷ luật của trường xử lý.

## **Điều 22. Thông báo kết quả học tập**

1. Điểm kiểm tra được CBGD thông báo tại lớp. Kết quả học tập của SV xem trực tiếp trên hệ thống quản lý của Trường bằng tài khoản máy tính Trường cấp cho SV vào đầu khóa học và được thông báo tại các Đơn vị liên kết hoặc tại Khoa (đối với các lớp học tại Trường).

2. Kết thúc khoá học, Trung tâm Liên kết Đào tạo cấp bảng điểm toàn khóa cho những SV được công nhận tốt nghiệp.

3. Trong quá trình học tập, SV có thể đề nghị cấp bảng điểm cá nhân theo nhu cầu riêng. Mức lệ phí theo quy định.

## **Điều 23. Xếp loại và khen thưởng cuối khóa học**

1. Xếp loại: SV học đủ số TC theo quy định, có tiến độ học tập trong khung thời gian thiết kế CTĐT, không vi phạm kỷ luật từ hình thức khiển trách cấp Trường trở lên, đạt thành tích cao trong học tập sẽ được xếp loại như sau:

- a. Loại xuất sắc: Học tập đạt loại xuất sắc.
- b. Loại giỏi: Học tập đạt từ loại giỏi trở lên.

c. Loại khá: Học tập đạt từ loại khá trở lên.

## 2. Khen thưởng

SV tốt nghiệp đúng hoặc trước thời gian thiết kế của CTĐT:

a. SV đạt từ loại khá toàn khóa trở lên được xét thủ khoa của ngành/chuyên ngành đào tạo tại Đơn vị liên kết sẽ được cấp giấy khen và phần thưởng.

b. SV đạt từ loại giỏi toàn khoá trở lên sẽ được cấp giấy khen.

c. SV lớn tuổi (từ 55 tuổi trở lên) sẽ được Hiệu trưởng xét cấp giấy khen khuyến khích học tập.

Định mức khen thưởng do Hiệu trưởng quyết định.

## CHƯƠNG IV XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

### Điều 24. Hình thức thực hiện cuối khóa học

Tùy theo tính chất của ngành đào tạo và tùy theo khả năng, đặc điểm của SV, ở cuối khóa học SV có thể được hướng dẫn thực hiện một trong các hình thức sau:

a. Làm tiểu luận và học thêm một số học phần thay thế (*thay cho làm Luận văn tốt nghiệp*);

b. Học một số học phần thay thế (*thay cho làm Luận văn tốt nghiệp*).

### Điều 25. Điều kiện tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

1. SV có đủ các điều kiện sau đây được quyền đề nghị công nhận tốt nghiệp:

a. Tích lũy đủ học phần và số TC quy định trong chương trình đào tạo và có ĐTBCTL của các học phần đạt từ 2,00 trở lên;

b. Hoàn thành các học phần điều kiện;

c. Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập trong năm học cuối.

2. Định kỳ hai tháng một lần, Hội đồng sẽ họp xét tốt nghiệp. Căn cứ biên bản đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những SV đủ điều kiện tốt nghiệp. SV được nhận bằng tốt nghiệp 30 ngày kể từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp.

Trường sẽ tổ chức lễ phát bằng tốt nghiệp 2 đợt trong năm tại Trường vào tháng 5 và tháng 11 hàng năm; riêng Đơn vị liên kết có nhu cầu phát bằng tốt nghiệp tại đơn vị, Trường và Đơn vị liên kết sẽ phối hợp và tổ chức lễ phát bằng tốt nghiệp tại Đơn vị liên kết.

3. SV đủ điều kiện tốt nghiệp được nhận quyết định công nhận tốt nghiệp, chứng nhận tốt nghiệp, bảng điểm học tập toàn khóa, bằng tốt nghiệp, bản sao bảng

điểm học tập toàn khóa và bản sao văn bằng tốt nghiệp.

#### **Điều 26. Bằng tốt nghiệp**

1. Bằng tốt nghiệp đại học được cấp theo ngành đào tạo.
2. Hạng tốt nghiệp được xác định căn cứ vào ĐTBCTL của các học phần quy định cho ngành đào tạo và phân loại như sau:

- Loại Xuất sắc	ĐTBCTL từ 3,60 đến 4,00
- Loại Giới	ĐTBCTL từ 3,20 đến 3,59
- Loại Khá	ĐTBCTL từ 2,50 đến 3,19
- Loại Trung bình	ĐTBCTL từ 2,00 đến 2,49

Hạng tốt nghiệp xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm một mức nếu rơi vào 1 trong các trường hợp sau:

- a. Có khối lượng của các học phần bị điểm F vượt quá 5% tổng số TC của CTĐT;
- b. Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

#### **Điều 27. Quản lý bằng tốt nghiệp**

Bằng tốt nghiệp chỉ cấp một lần. Trường hợp bằng bị mất hoặc bị hỏng, SV nộp đơn cho Trung tâm Liên kết Đào tạo - Trường ĐHCT để được cấp Bản sao bằng tốt nghiệp.

#### **Điều 28. Xử lý SV quá hạn thời gian đào tạo**

1. Khi hết thời gian tối đa thực hiện chương trình đào tạo, những SV không đủ điều kiện tốt nghiệp sẽ bị xóa tên, trừ những SV được hưởng ưu tiên theo đối tượng quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy.

2. SV không đủ điều kiện tốt nghiệp sẽ được cấp bảng điểm các học phần đã học.
3. SV còn nợ các học phần điều kiện, nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 5 năm, SV trở về Trường trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

### **CHƯƠNG V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 29. Quy định Công tác học vụ này được áp dụng cho SV tất cả các ngành, các khóa đào tạo theo hình thức đào tạo từ xa từ học kỳ II, năm học 2017-2018./.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Hà Thanh Toàn**